

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án: Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa, đoạn qua địa bàn xã Minh Lập, huyện Chơn Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước; được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh về việc Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 246/TTr-STNMT ngày 20/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án: Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa, đoạn qua địa bàn xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, cụ thể như sau:

1. Mục đích định giá đất

Xác định giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền bồi thường đất thuộc dự án: Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa, đoạn qua địa bàn xã Minh Lập, huyện Chơn Thành.

2. Thông tin về khu đất cần định giá

a) Vị trí đất thu hồi tại xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

b) Diện tích thu hồi đất: 66.513,4 m².

c) Mục đích sử dụng: Đất ở, đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm khác.

d) Thời điểm xác định giá: tháng 02/2022.

3. Kết quả xác định giá đất

STT	Khu vực, vị trí, phạm vi đất	Giá đất UBND tỉnh (đồng/m ²)	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất
I	Đất ở			
1	Các thửa đất vị trí mặt tiền đường Quốc lộ 14 (đoạn từ Ngã 4 khu vực tập thể đội sản xuất Nông trường Nha Bích đến giáp ranh thành phố Đồng Xoài (cầu Nha Bích)			
	Phạm vi 1 (30m đầu)	2.200.000	3.658.000	1,66
	Phạm vi 2 (Từ trên 30m đến 60m)	1.100.000	1.829.000	1,66
	Phạm vi 3 (Từ trên 60m đến 120m)	880.000	1.463.200	1,66
	Phạm vi 4 (Từ trên 120m)	660.000	1.097.400	1,66
2	Các thửa đất vị trí mặt tiền các tuyến đường đất còn lại			
	Phạm vi 1 (30m đầu)	250.000	606.000	2,42
	Phạm vi 2 (Từ trên 30m đến 60m)	125.000	303.000	2,42
	Phạm vi 3 (Từ trên 60m đến 120m)	110.000	242.400	2,20
	Phạm vi 4 (Từ trên 120m)	110.000	181.800	1,65
II	Đất trồng cây lâu năm			
1	Vị trí 1 (Các thửa đất mặt tiền Quốc lộ 14)	150.000	292.000	1,95
2	Vị trí 2 (Các thửa đất mặt tiền đường giao thông liên thôn, liên ấp)	85.000	201.500	2,37
3	Vị trí 3 (Các thửa đất mặt tiền đường giao thông còn lại)	65.000	154.050	2,37
4	Vị trí 4 (Các vị trí đất còn lại)	55.000	130.350	2,37
III	Đất trồng cây hàng năm khác			
1	Vị trí 4 (Các vị trí đất còn lại)	40.000	130.350	3,26

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT.(Trung09)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh